TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 5 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Bích L, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Chí T, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Bích L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Bích L và anh Bùi Chí T chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T có quan hệ tình cảm bên ngoài, không quan tâm đến vợ con, không tôn trọng gia đình bên vợ, thân tộc hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thể chung sống được, chị L và anh T đã ly thân từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L xác định tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Chí T trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, việc có đăng ký kết hôn là đúng. Anh T xác định vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, anh T thừa nhận có quan hệ tình cảm bên ngoài nhưng anh đã sữa chửa, anh muốn hàn gắn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T xác định tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Bích L và anh Bùi Chí T chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau), nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T có quan hệ tình cảm bên ngoài, không quan tâm đến vợ con, không tôn trọng gia đình bên vợ, thân tộc hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thể chung sống được nên chị L và anh T đã ly thân từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay. Anh T không đồng ý ly vì anh cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, anh T thừa nhận có quan hệ tình cảm bên ngoài nhưng anh T đã sữa chửa, anh muốn hàn gắn nên không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng, về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát việc vợ chồng đồng quan điểm, anh T có quan hệ tình cảm bên ngoài, không quan tâm đến vợ con, không tôn trọng gia đình bên vợ, thân tộc hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thể chung sống được nên chị L và anh T đã ly thân từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay. Tại phiên toà chị L xác định không còn tình cảm gì với anh T, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T.

[2] Về con chung: Chị L và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh T xác định tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ: Chị L và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Bích L. Cho chị Huỳnh Bích L được ly hôn với anh Bùi Chí T.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Bích L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002049 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Bích L không phải chịu. Chị L đã dự nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002050 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, chị L được nhận lại.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Huỳnh Bích L và anh Bùi Chí T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Đầm Dơi;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Yến